

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: NAMDUOC JIONT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101452595
- Vốn điều lệ: 56.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0462691602
- Số fax: 0462698623
- Website: www.namduoc.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): NDC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02, ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này.

Sau khi hoàn thành nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP- WHO, Nam Dược đã tập trung sản xuất đa dạng các mặt hàng tân dược và đông dược để tiến vào thị trường bảo hiểm bệnh viện. Tuy nhiên, sau khi các sản phẩm của Nam Dược bắt đầu xâm nhập được vào hầu hết các hệ thống bảo hiểm trên toàn quốc thì gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính mà đỉnh cao khủng hoảng là cuối năm 2008.

Tháng 06/2009: Đại hội cổ đông với việc quyết định chiến lược chỉ tập trung chuyên sâu chiến lược phát triển thuốc Nam, từ bỏ sản xuất các sản phẩm tân dược.

Tháng 11/2009: Bắt đầu xây dựng lại hệ thống mới hoàn toàn, bắt đầu từ miền Bắc và hoàn thiện dần hệ thống phân phối và cùng thời điểm này thực hiện tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Từ 11/2009 đến nay, Nam Dược chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc trên trong sản xuất và ngoài thị trường. Một số sản phẩm của công ty đã trở thành những sản phẩm dẫn đầu thị trường. Thương hiệu Nam Dược từng bước phát triển vững mạnh và uy tín trong lòng khách hàng.

Năm 2011, Nam Dược được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải Vàng chất lượng quốc gia và trở thành doanh nghiệp dược phẩm đầu tiên đạt được giải thưởng này.

Năm 2012, Nam Dược hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai các vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Hải Hậu - Nam Định. Đây cũng là một bước tiến khẳng định định hướng chất lượng của Nam Dược

Tháng 05/2013: Nam Dược hợp tác cùng với tổ chức tư vấn chiến lược và quản trị tổ chức OCD trong việc xây dựng lại định hướng chiến lược và hệ thống quản trị nhân sự cho giai đoạn phát triển 2014-2018.

Tháng 12/2013, Nam Dược thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 và chuyển trụ sở chính về địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tháng 3/2014, Nam Dược vinh dự được Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng Bằng khen vì những thành tích trong công tác kế thừa và phát triển Y Dược cổ truyền Việt nam. Điều này khẳng định sứ mệnh vì sự nghiệp phát triển thuốc Nam của người Việt mà công ty đang theo đuổi.

Tháng 09/2014, Nam Dược vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3.

Tháng 02/2015, Nam Dược là một trong những doanh nghiệp dược được trao tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia lần thứ hai cho những cam kết về chất lượng trong sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho người tiêu dùng.

Tháng 09/2015, Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á Thái Bình Dương. Điều này khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn và bền vững của công ty khi lấy tiêu chí “ Cam kết chất lượng” là một trong những giá trị cốt lõi mà doanh nghiệp đang thực hiện.

Tháng 11/2015, Nam Dược được Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội phối hợp với Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng danh hiệu “ Doanh nghiệp vì người Lao động.

Năm 2016:

Nam Dược ký kết “mở rộng hợp tác theo hướng toàn diện” với Viện Dinh Dưỡng quốc gia trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt là sản phẩm cho người già và trẻ em.

Nam Dược ký kết hợp tác với tổ chức Helvetas tại Việt Nam (Biotrade) trong chiến dịch tuyên thông nâng cao nhận thức trong cộng đồng về Dược liệu sạch.

Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là sản phẩm số 1 trong dòng Siro ho cảm đông dược trẻ em.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh:

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm:

Công ty Cổ phần Nam Dược:	Kinh doanh thuốc đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH Nam Dược:	Sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do chính Công ty sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty cổ phần Nam Dược

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên

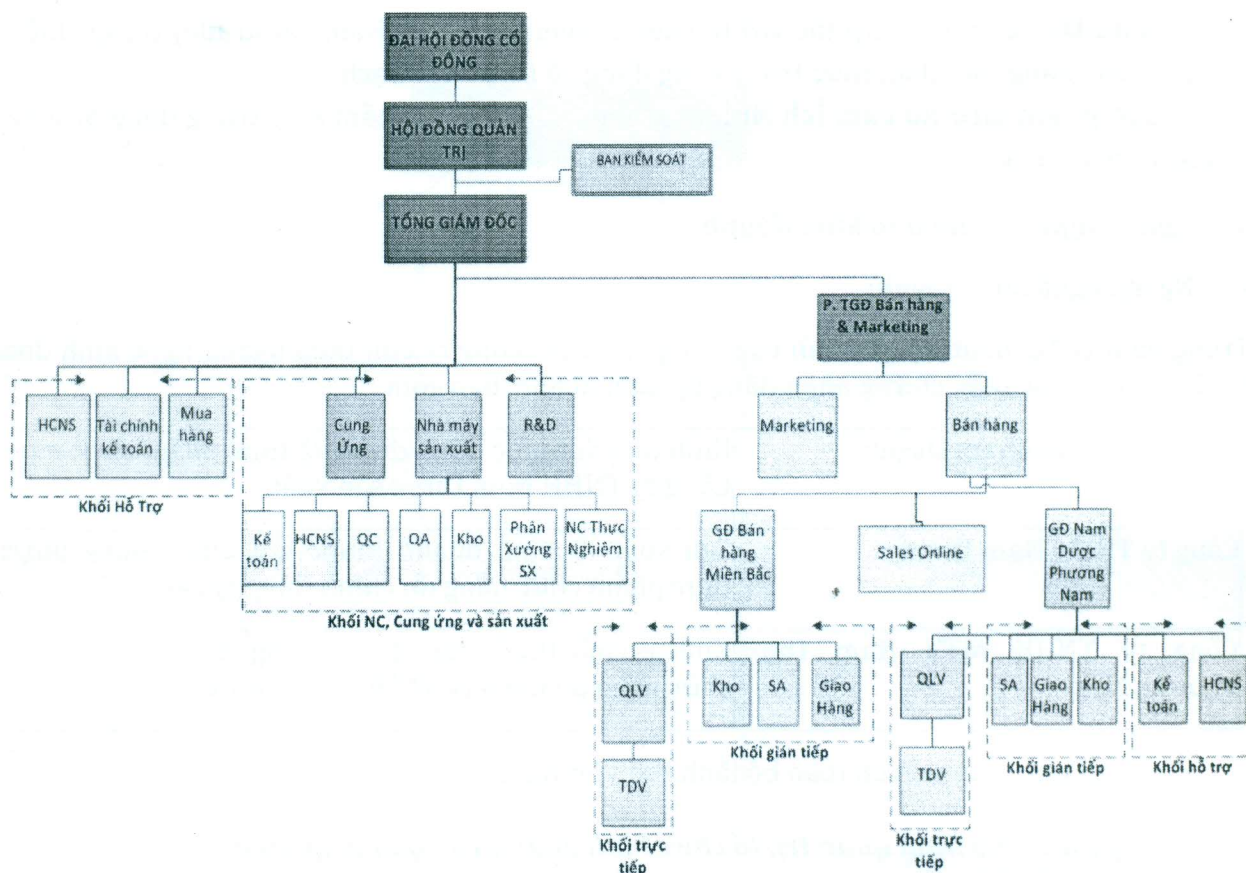
Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Thành Viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2014)

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết: Tại ngày 31/12/2016, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ quyền biểu quyết / sở hữu	Vốn điều lệ (tỷ VND)
Công ty TNHH MTV Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	C4B, Đường Bưởi Long, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	1

- Đơn vị trực thuộc: Công ty cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

5. Định hướng phát triển bền vững:

5.1. Đầu tư cho chất lượng sản phẩm:

Nam Dược chú trọng phát triển dược liệu sạch và chuẩn hóa với hơn 80% dược liệu sử dụng là thuốc Nam cùng với 45 vùng trồng dược liệu trên cả nước như Dây thìa canh, Quất, Bạch chỉ tại Nam Định, Đương quy, Đan sâm, Tục đoạn, Cát cánh tại Lào Cai, Cà gai leo tại Hà Nội, Mạch môn, Khôi tía tại Phú Thọ, Húng chanh, Diệp hạ châu, Xạ can tại Phú Yên...Nam Dược coi chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất để có được khách hàng lâu dài.

5.2. Chiến lược nhân sự:

Nam Dược tổ chức tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và huấn luyện thường xuyên để đội ngũ cán bộ nhân viên đảm đương được công việc theo vị trí được giao, cũng như xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, xứng đáng, công bằng theo 3Ps, chú trọng sự hợp tác minh bạch trong tác nghiệp.

5.3. Tạo dựng bản sắc văn hóa riêng:

Văn hóa “Vì Khách hàng” bao gồm khách hàng tiêu dùng, khách hàng trung gian và khách hàng nội bộ được chú trọng đầu tiên, khách hàng hài lòng thì Nam Dược mới tồn tại và phát triển bền vững, chính sách CSKH ngày càng được triển khai đa dạng, hợp lý.

5.4. Quy trình quản trị khoa học:

Nam Dược chuẩn hóa các quy trình quản trị trong DN, từ giao việc, đánh giá theo BSC, KPI cho toàn thể nhân viên, đến quản trị bán hàng theo DMS...là những bước tiến trong quản trị để hệ thống hoạt động hiệu quả, thông suốt, đúng kế hoạch và tiến độ.

6. Các rủi ro:

- Ngành dược phẩm vẫn là một trong những ngành “nóng” của thị trường với sự tăng trưởng khoảng 17%/ năm. Sự cạnh tranh khốc liệt và sự thanh lọc của thị trường đang diễn ra rất mạnh. Niềm tin của người tiêu dùng bị lung lay, suy giảm nghiêm trọng do tình trạng vàng thau lẫn lộn và rối loạn trên thị trường (bao gồm cả rối loạn thông tin).
- Tình hình cung cấp nguyên liệu sản xuất thay đổi, đặc biệt là chất lượng và giá thành các dược liệu nhập từ Trung Quốc không ổn định và kém chất lượng...
- Khách hàng trung gian và người tiêu dùng trực tiếp ngày càng cao liên quan nhiều đến chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm, uy tín của nhà cung cấp, giá cả hàng hóa và sự tư vấn của chuyên môn và người thân...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	2016	2015	% 2016 so với 2015
Doanh thu thuần	260,000	264.424	215.309	122,8%
Lợi nhuận sau thuế	16,000	20.391	12.932	157,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của CTCP Nam Dược

Doanh thu năm 2016 đạt 264.424 triệu đồng, tăng 22,8 % so với năm 2015 và hoàn thành 101,7% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 20.391 triệu đồng, tăng 57,7 % so với năm 2015 và hoàn thành 127,4 % kế hoạch đề ra.

Ngoài chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năm 2016 Công ty còn đạt được những thành tích sau:

Hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu:

- Năm 2016, các hoạt động MKT của Nam Dược chú trọng vào các nhãn hàng chiến lược như Siro ho cảm Ích nhi, Bảo xuân, Thông xoang tán, Diabetna... với điểm nhấn là “Dược liệu sạch” do khách hàng ngày càng e ngại về dược liệu bẩn trên thị trường, đây cũng là thế mạnh khác biệt của Nam Dược so với nhiều công ty sử dụng dược liệu thuốc bắc nhập khẩu.
- Một số sản phẩm của Nam Dược có sự tăng trưởng nhanh trong năm 2016 như Bảo Xuân, bộ sản phẩm Ích Nhi. Năm 2016, Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi và viên uống Bảo xuân được bình chọn là sản phẩm số 1 trong ngành hàng, được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng, mẫu mã.

Hoạt động bán hàng:

- Với chính sách mới về chia nhóm sản phẩm chiến lược và nhóm sản phẩm bán điểm, Nam Dược thực hiện quản trị địa bàn đối với khách hàng bán điểm theo mô hình độc quyền tại địa bàn và cam kết bán đúng giá nhà phân phối. Năm 2016, Công ty đã ký được hợp đồng với 2.100 nhà thuốc trên toàn quốc và con số này dự kiến sẽ tăng trưởng lên trong năm 2017. Mở rộng độ bao phủ các mặt hàng khác trên 12.000 nhà thuốc trên toàn quốc.
- Sức mạnh hệ thống được sử dụng tối đa hiệu quả với số lượng nhân viên bán hàng trực tiếp cả nước vẫn duy trì ổn định là 120 nhân viên;
- Hình ảnh nhân sự tại địa bàn dần được chuẩn hóa để tạo ra hình ảnh nhận diện chuyên nghiệp về tác phong, ăn mặc, công cụ làm việc. Nhân sự của công ty tiếp tục được tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện để nâng cao chất lượng năng lực, đồng thời chuẩn hóa quy trình làm việc và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu suất làm việc của hệ thống.
- Triển khai chính sách bán hàng theo câu lạc bộ (Kim cương, Vàng, Bạc) với các chính sách BH và CSKH ưu đãi đã thu hút được nhiều khách hàng tham gia nên tạo được sự cam kết ủng hộ với doanh số ổn định.
- Doanh số bán hàng ETC do công ty đối tác là DP An đấu thầu đưa vào bệnh viện tiếp tục tăng trưởng ổn định, đặc biệt các thuốc như Thấp khớp Nam Dược, Bổ huyết Ích não, Cốt linh diệu, Kim tiền thảo...

Hoạt động nghiên cứu và phát triển:

- Trong năm 2016, hoạt động nghiên cứu phát triển tập trung vào việc nghiên cứu sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm cũ đã đạt được một số thành tựu nhất định theo định hướng bộ sản phẩm, có đầu tư sâu về nghiên cứu thị trường, nghiên cứu bào chế để tung ra thị trường như: cải tiến sản phẩm Siro Ho cảm Ích Nhi cho ra đời sản phẩm mới Ích Nhi ho cảm 3+ dành cho lứa tuổi trẻ em lớn, thêm siro ho cảm Ích Nhi dạng gói 5ml mới để sử dụng và an toàn với trẻ em. Đưa vào lưu hành thị trường sản phẩm Bài Sỏi Nam Dược, thuốc ho Nam Dược, viên ngậm ho An Thanh...

Hoạt động cung ứng và sản xuất:

- Xây dựng được 45 vùng trồng dược liệu Sạch và chuẩn hóa tại nhiều địa phương trong cả nước.
- Tổ chức đấu thầu và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào..

Hoạt động Tài chính:

- Hoạt động tài chính được đánh giá khá lành mạnh, ổn định, cập nhật kịp thời tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo các quyết định quản trị kịp thời của HĐQT và Ban TGD.

-

Hoạt động nhân sự:

- Hoạt động Tuyển dụng: Được chuẩn hóa và cho kết quả nhân sự đầu vào chất lượng hơn, minh bạch và công bằng hơn;

- Hoạt động đào tạo được tổ chức nhiều và phù hợp với từng đối tượng. Năm 2016, đã tổ chức được các khóa đào tạo quan trọng: Đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn cho Giám đốc bán hàng, Quản lý vùng để tạo năng lực cạnh tranh, Đào tạo định hướng đội ngũ và cách chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ khách hàng; đào tạo các khóa học về kiến thức sản phẩm, một số kỹ năng chuyên môn khác.

- Hoạt động đánh giá – sàng lọc nhân sự: Đã tổ chức đánh giá KPI toàn bộ nhân viên hàng tháng, 06 tháng. Áp dụng chính sách lương 3P cho toàn Công ty. Qua đó có chính sách khuyến khích nhân viên xuất sắc và phạt hoặc cho thôi việc những nhân sự kém chất lượng.

-Thực hiện hoạt động truyền thông nội bộ: Các hoạt động phúc lợi như nghỉ mát, teambuilding đã góp phần gắn kết tinh thần của cán bộ nhân viên công ty góp phần khẳng định bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

-Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch	Số cổ phần nắm giữ
Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	Thạc sĩ dược Sinh năm 1974	189500
Lê Văn Sản	Phó Tổng giám đốc	Dược sĩ Sinh năm 1983	16000
Trần Thị Anh Đức	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế Sinh năm 1980	không
Phạm Văn Đông	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược	Dược sĩ Sinh năm 1981	24000
Nguyễn Văn Thành	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược Phương Nam	Cử nhân kinh tế Sinh năm 1984	không
Khuất Văn Mạnh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển	Dược sĩ Sinh năm 1980	10900
Phạm Vũ Phong	Trưởng phòng Cung ứng	Dược sĩ Sinh năm 1983	15000

Đỗ Thị Tuyền	Trưởng phòng Hành Chính - Nhân sự	Cử nhân Sinh năm 1974	4500
Phạm Quang Hòa	Giám đốc bán hàng Miền Bắc	Cử nhân Sinh năm 1984	không
Lưu Thị Gấm	Trưởng phòng Marketing	Thạc sỹ Dược Sinh năm 1983	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi trong ban điều hành năm 2016
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBNV toàn hệ thống:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số	424	100%
Trên đại học	05	1.18%
Đại học	106	25.00%
Cao đẳng	53	12.50%
Trung cấp	158	37.27%
Sơ cấp + khác	102	24.05%

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không thực hiện

3. Các công ty con, công ty liên kết:

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	174.181	157.917	10,3%
Doanh thu thuần	264.424	215.309	22,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.570	14.563	48,1%
Lợi nhuận khác	0,268	661	
Lợi nhuận trước thuế	21.570	15.224	41,7%
Lợi nhuận sau thuế	20.391	12.932	57,7%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,90	3,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	2.31	1.04	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,20	0,23	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26 *	0,29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	1,98	1,16	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,52	1,36	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,06	
	0,15	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn (Người nắm $\geq 5\%$)	1.739.650	30,63
Cổ đông tổ chức	272.000	4,79
Cổ đông nhỏ (Người nắm $< 5\%$)	3.945.765	69,37
Tổng	5.680.000	100

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch
- Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh 2016

Năm 2016, Nam Dược vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường và công nghệ để đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới cho tương lai nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2016 sau khi đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và chốt số liệu như sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm 2016/2015
Tổng tài sản	174.181	157.917	10,3%
Doanh thu thuần	264.424	215.309	22,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.570	14.563	48,1%
Lợi nhuận khác	0.268	661	
Lợi nhuận trước thuế	21.570	15.224	41,7%
Lợi nhuận sau thuế	20.391	12.932	57,7%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8%	6%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	15%	11%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	12%	8%	
Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	8%	7%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của CTCP Nam Dược

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2016 đạt 264.424 triệu đồng, tăng 22,8% so với năm 2015 và đạt 101,7% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 20.391 triệu đồng, tăng 57,7% so với năm 2015 và đạt 127,4% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2016 đạt 8%, tăng 28% so với năm 2015; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2016 đạt 15%, tăng 39% so với năm 2015.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2016, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 16.294 triệu đồng.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2016, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2016 như sau:

* Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	56.800	56.800	100%
Doanh thu thuần	260.000	264.424	101,7%
Lợi nhuận sau thuế	16.000	20.391	127,4%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6.1%	7,7%	128%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	175.570	66,4%
Bán bao tiêu	88.853	33,6%
Tổng	264.424	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của CTCP Nam Dược

2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Lần

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	So sánh 2016/2015
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,90	3,44	1,14
Hệ số thanh toán nhanh	2,31	1,04	2,24
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,29	0,88

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 là 3,90 tăng 1,14 lần so với năm 2015 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2016 là 0,26 giảm 0,12 lần so với năm 2015 thể hiện năng lực về tài chính của Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được (Như đã tổng kết và phân tích phần 1)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, Nam Dược về cơ bản không có biến động về cơ cấu tổ chức so với năm 2015;

Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu (BSC) trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc (KPI); Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp.

1. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.
2. Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;
3. Sau giai đoạn ổn định và phục hồi bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược dẫn đầu;
4. Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (Cổ đông - Đối tác bao tiêu - Cán bộ công nhân viên). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2017 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

IV. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)-

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Thống nhất với ý kiến của Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:* Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:* Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

VI. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Chức danh trong điều hành tại công ty
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Thành viên độc lập
3	Hoàng Minh Châu	Thành viên	189500	Tổng giám đốc
4	Lê Văn Sản	Thành viên	16000	Phó Tổng Giám đốc
5	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Thành viên độc lập

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Số lượng và nội dung các buổi họp:

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 2	1. Báo cáo sơ bộ kế hoạch KD năm 2015 và kế hoạch KD 2016. 2. Phê duyệt phương án khoán chi phí cho từng đơn vị
2	Tháng 4	1. Phương án tổ chức đại hội cổ đông
3	Tháng 5	1. Triển khai nghị quyết đại hội cổ đông 2. Phân công chức năng nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ V
4	Tháng 7	1. Trang bị một số tài sản cố định phục vụ SXKD
5	Tháng 8	1. Thông qua kế hoạch kinh doanh 6 tháng đầu năm, triển khai kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm.
6	Tháng 9	3. Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm, kế hoạch kinh doanh quý 4/2016
7	Tháng 12	1. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2017

2. Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1	01A/2016/NQ-HĐQT	4/2/2016	Ban hành quy chế lương Công ty
2	01B/2016/NQ-HĐQT	4/2/2016	Phê duyệt phương án khoán chi phí cho từng đơn vị
3	01C/2016/NQ-HĐQT	4/2/2016	Đảm bảo nguồn lực tài chính, phê duyệt phương án kinh doanh công ty TNHH Nam Dược
4	02A/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Thông qua các nội dung dự kiến tại ĐHCĐ thường niên 2016
5	02B/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
6	02C/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Thông qua các đề xuất cho hoạt động của nhà máy sản xuất
7	02D/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Trang bị phương tiện đi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị
8	03A/2016/NQ-HĐQT	27/04/2016	Về việc chia trả cổ tức năm 2015
9	03B/2016/NQ-HĐQT	27/04/2016	Chuyển lợi nhuận chưa phân phối từ công ty TNHH Nam Dược cho công ty Cổ phần Nam Dược
10	04A/2016/NQ-HĐQT	26/05/2016	Phân công chức năng nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V (2016 - 2018)
11	04B/2016/NQ-HĐQT	26/05/2016	Triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 về việc lập quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động trong hệ thống công ty
12	05A/2016/NQ-HĐQT	20/07/2016	Trang bị tài sản cố định tại Công ty TNHH Nam Dược
13	05B/2016/NQ-HĐQT	20/07/2016	Trang bị tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Nam Dược
14	06A/2016/NQ-HĐQT	25/09/2016	Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016
15	08A/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Thông qua kế hoạch kinh doanh tự doanh 2017
16	08B/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Lựa chọn mua đất để xây văn phòng tại Hà Nội
17	08C/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương 2016
18	08D/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016

-Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

3. Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	21500	0,38
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	40690	0,72
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	28000	0,49

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Tháng 7	Kiểm soát các hoạt động 6 tháng đầu năm; báo cáo kết quả giám sát hoạt động 6 tháng đầu năm
2	Tháng 12	Kiểm soát hoạt động năm 2016; báo cáo hoạt động năm 2016

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2016 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát không nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VII. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp,

lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam - Công ty con của Công ty không thực hiện kiểm kê tiền mặt với số dư trên sổ kế toán là 6.916.763.720 VND. Với các tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục này tại thời điểm trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty;
- Trên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Công ty đang ghi nhận tăng một phần lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho các năm trước đã bán hết đến ngày 31/12/2016 và ghi giảm một khoản liên quan đến hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với số tiền lần lượt là 9 tỷ đồng và 1,13 tỷ đồng. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Giá vốn hàng bán năm 2015 bị ghi nhận thiếu và năm 2016 bị ghi nhận thừa với cùng một số tiền là 9 tỷ đồng; chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN tại 31/12/2015 bị ghi nhận thừa và tại 31/12/2016 bị ghi nhận thiếu với cùng số tiền là 7,87 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau: Các giao dịch với các bên liên quan trong năm chưa được phê duyệt theo đúng thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng (chi tiết Thuyết minh số 06, 37).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Kiểm

toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt tại ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam với số tiền 4.427.671.186 VND và khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006 nhưng đang được trình bày theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất cũng như chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này. Vấn đề về tính hiện hữu của số dư tiền mặt tại Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam tiếp tục ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay còn việc chưa dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược không ảnh hưởng trọng yếu.

2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2016)	Số đầu năm (01/01/2016)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,084,399,002	122,362,949,637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23,565,994,010	19,205,166,678
1. Tiền	111		20,565,994,010	19,205,166,678
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,000,000,000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,921,035,612	16,916,841,682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3,970,595,159	2,997,530,719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17,387,904,400	10,715,575,595
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3,100,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		562,536,053	103,735,368
IV. Hàng tồn kho	140		56,754,716,412	85,537,749,841
1. Hàng tồn kho	141		56,754,716,412	85,537,749,841
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,842,652,968	703,191,436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		486,583,902	352,383,498
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34,463,900	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,321,605,166	350,807,938
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35,096,863,275	35,554,476,158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		445,621,000	445,621,000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		292,621,000	292,621,000
2. Phải thu dài hạn khác	216		153,000,000	153,000,000
II. Tài sản cố định	220		30,648,982,846	31,458,957,046
1. Tài sản cố định hữu hình	221		30,648,982,846	31,378,814,258
- Nguyên giá	222		106,315,587,615	101,541,842,381
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75,666,604,769)	(70,163,028,123)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	80,142,788
- Nguyên giá	228		801,428,129	801,428,129
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(801,428,129)	(721,285,341)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,639,813,341	218,860,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,639,813,341	218,860,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		255,000,000	255,000,000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		255,000,000	255,000,000

VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,107,446,088	3,176,038,112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,902,170,128	1,894,481,517
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		205,275,960	1,281,556,595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		174,181,262,277	157,917,425,795
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35,642,562,932	35,633,793,616
I. Nợ ngắn hạn	310		35,642,562,932	35,633,793,616
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		10,065,563,227	3,668,160,205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385,632,919	84,432,131
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		995,515,894	2,353,144,158
4. Phải trả người lao động	314		12,320,564,253	7,777,431,584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		212,174,818	406,059,768
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1,465,008,194	1,316,412,221
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		10,000,000,000	19,728,833,413
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		198,103,627	299,320,136
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138,538,699,345	122,283,632,179
I. Vốn chủ sở hữu	410		138,538,699,345	122,283,632,179
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56,800,000,000	56,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56,800,000,000	56,800,000,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81,738,699,345	65,483,632,179
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61,347,020,358	52,551,395,777
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,391,678,987	12,932,236,402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		174,181,262,277	157,917,425,795

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (2016)	Năm trước (2015)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		264,796,238,058	215,741,664,082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		371,689,469	432,108,009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		264,424,548,589	215,309,556,073
4. Giá vốn hàng bán	11		140,541,346,595	97,771,089,343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		123,883,201,994	117,538,466,730
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		689,555,369	47,017,172
7. Chi phí tài chính	22		212,584,892	1,655,281,344
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		211,934,892	1,650,692,003
9. Chi phí bán hàng	25		72,161,478,549	72,986,862,516
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30,628,614,089	28,379,911,500
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		21,570,079,833	14,563,428,542
12. Thu nhập khác	31		18,487,918	790,840,649

13. Chi phí khác	32		18,219,081	129,743,950
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		268,837	661,096,699
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		21,570,348,670	15,224,525,241
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,232,389,048	1,176,763,115
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(53,719,365)	1,115,525,724
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		20,391,678,987	12,932,236,402
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		3,590	2,277

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (LCGT) NĂM 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (2016)	Năm trước (2016)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21,570,348,670	15,224,525,241
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5,968,648,099	6,008,580,542
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(497,580)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(703,191,733)	(227,017,172)
- Chi phí lãi vay	06		211,934,892	1,650,692,003
- Các khoản điều chỉnh khác	07		9,000,000,000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36,047,739,928	22,656,283,034
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,841,194,388	2,755,754,784
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28,783,033,429	(3,153,840,590)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9,991,342,395	(15,583,189,214)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(141,889,015)	2,243,116,729
- Tiền lãi vay đã trả	14		(232,982,872)	(1,620,269,023)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,876,763,115)	(3,600,199,586)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1,270,362,161
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(747,828,330)	(1,842,124,238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73,663,846,808	3,125,894,057
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16,579,627,240)	(386,990,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13,636,364	180,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35,000,000,000)	(3,100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,100,000,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		257,324,813	47,017,172

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48,208,666,063)	(3,259,973,737)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		10,000,000,000	65,488,382,226
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19,728,833,413)	(54,003,900,201)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11,365,520,000)	(11,015,040,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21,094,353,413)	469,442,025
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4,360,827,332	335,362,345
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19,205,166,678	18,869,306,753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	497,580
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23,565,994,010	19,205,166,678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016

bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
 - Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh".

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 năm

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và quy định tại Khoản 3 Điều 34 và Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con được hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư:

- Thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;

- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2016 là năm thứ 07 Công ty TNHH Nam Dược áp dụng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế phải nộp đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư mang lại.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8,210,669,004	4,600,153,892
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,355,325,006	14,605,012,786
Các khoản tương đương tiền (*)	3,000,000,000	-
Tổng	23,565,994,010	19,205,166,678

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định; lãi suất 4,5%/năm; đáo hạn ngày 07/01/2017.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Đầu tư ngắn hạn	35000000000	35000000000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	35000000000	35000000000	-	-
Tổng	35000000000	35000000000	-	-

(*): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,1%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Đầu tư vào đơn vị khác	255000000	0	255,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược (i)	255000000	0	255,000,000	-
Tổng	255000000	0	255,000,000	-

(i): Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/2/2006 và chính thức đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn (Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Công ty TNHH Thiết bị Y tế 3M	1,193,047,754		873,491,146	
Các khoản phải thu khách hàng khác	2,777,547,405		2,124,039,573	
Tổng	3,970,595,159		2,997,530,719	

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH TM và Truyền thông Nguyễn Quân	1,578,552,000	0	415,321,145	-
Ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (i)	10,000,000,000	0	-	-

Ông Lâm Thanh Vân (ii)	5,000,000,000	0	10,000,000,000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	809,352,400	0	300,254,450	-
Tổng	17,387,904,400	0	10,715,575,595	-

(i): Trả trước tiền mua đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 958/2016 và 959/2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A2 và A4, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 686421 và CE 686422. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các Hợp đồng trên là 70 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 989427 ngày 25 tháng 01 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

(ii): Trả trước tiền mua hàng theo Hợp đồng kinh tế mua bán sản phẩm hàng hóa số 0212/2016/HĐKT ngày 01/12/2016 giữa Công ty và bà Lâm Thị Thanh Vân.

c) Dài hạn

Ông Trần Châu Lâm	292,621,000	0	292,621,000	-
Tổng	292,621,000	0	292,621,000	-

(i): Trả trước tiền mua đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 958/2016 và 959/2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sản - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Quyết định số 080/2016/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 16/12/2016. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A2 và A4, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 686421 và CE 686422. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các Hợp đồng trên là 70,09 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 989427 ngày 25 tháng 01 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

(ii): Trả trước tiền mua hàng theo Hợp đồng kinh tế mua bán sản phẩm hàng hóa số 0212/2016/HĐKT ngày 01/12/2016 giữa Công ty và ông Lâm Thanh Vân.

7. PHẢI THU KHÁC

PHẢI THU KHÁC	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
a) Ngắn hạn				
Phải thu bảo hiểm xã hội	5,845,522		16,087,922	
Phải thu người lao động	112,809,997		64,955,348	
Ký cược, ký quỹ	10,000,000		10,000,000	
Phải thu lãi tiền gửi	432,230,556		-	
Phải thu khác	1,649,978		12,692,098	
Tổng	562,536,053	*	103,735,368	
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	153,000,000		153,000,000	
Tổng	153,000,000		153,000,000	

8. HÀNG TỒN KHO

HÀNG TỒN KHO	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	31,475,482,928		39,143,405,057	
Công cụ, dụng cụ	72,427,443		137,735,567	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,240,790,663		2,218,552,093	
Thành phẩm	22,207,783,512		43,294,963,952	
Hàng hóa	758,231,866		743,093,172	
Tổng	56,754,716,412		85,537,749,841	

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
Mua sắm	590,904,250		218,860,000	
Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP (i)	372,044,250			
Phần mềm kế toán (ii)	218,860,000		218,860,000	

Xây dựng cơ bản	1,048,909,091			
Công trình hệ thống xử lý nước thải (iii)	1,048,909,091			

(i): Hợp đồng cung cấp và cài đặt phần mềm quản lý hệ thống phân phối số HD/DMS/GESO-NAMDUOC/21092016 ký ngày 21/09/2016 giữa Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu. Tổng giá trị hợp đồng là 379.865.000 VND (trong đó, phí bản quyền là 368.692.500 VND). Tại ngày 31/12/2016, phần mềm vẫn đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử và chưa được bàn giao, đưa vào sử dụng.

(ii): Phần mềm kế toán được mua sắm từ năm 2013, tuy nhiên Công ty và nhà cung cấp vẫn chưa nghiệm thu, bàn giao để đưa vào sử dụng do một số chức năng của phần mềm chưa đáp ứng được và các lỗi từ phần mềm vẫn tiếp tục phát sinh. *

(iii): Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất 100 m³/ngày đêm tại nhà máy sản xuất ở Nam Định theo Hợp đồng kinh tế số 2006/HĐKT/ND-VVCECI ngày 20/06/2016 giữa Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng và Môi trường Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng 1.282.000.000 VND. Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý 1/2017.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	29,490,310,265	61,616,862,166	5,768,377,872	1,266,551,908	3,399,740,170	101,541,842,381
- Mua trong năm	-	3,169,491,081	1,417,581,818	372,172,000	-	4,959,244,899
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	199,429,000	-	-	-	-	199,429,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65,000,000)	-	-	(65,000,000)
-Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(319,928,665)	-	(319,928,665)
Số dư cuối năm	29,689,739,265	64,786,353,247	7,120,959,690	1,318,795,243	3,399,740,170	106,315,587,615
Giá trị hao mòn lũy kế						

Số dư đầu năm	12,246,093,794	50,335,595,969	3,309,457,188	948,935,550	3,322,945,622	70,163,028,123
- Khấu hao trong năm	2,720,202,877	2,361,105,770	620,108,351	147,517,315	39,570,998	5,888,505,311
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65,000,000)	-	-	(65,000,000)
- Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(319,928,665)	-	(319,928,665)
Số dư cuối năm	14,966,296,671	52,696,701,739	3,864,565,539	776,524,200	3,362,516,620	75,666,604,769
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17,244,216,471	11,281,266,197	2,458,920,684	317,616,358	76,794,548	31,378,814,258
Tại ngày cuối năm	14,723,442,594	12,089,651,508	3,256,394,151	* 542,271,043	37,223,550	30,648,982,846

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 53.317.918.457 VND

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là chi phí san lấp mặt bằng 10.000 m² đất thuê 49 năm từ ngày 24/09/2003 tại lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, tỉnh Nam Định. Đến 31/12/2016, tài sản cố định vô hình đã được khấu hao toàn bộ.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9,593,072	-
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	108,906,223	84,328,008
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	26,046,203	26,898,250
Phí duy trì tên miền	17,065,589	17,229,500
Phí dịch vụ đăng tuyển trên Vietnam Work	-	12,461,400
Chi phí thuê văn phòng	220,000,000	165,000,000
Các khoản khác	104,972,815	46,466,340
Tổng	486,583,902	352,383,498
b) Dài hạn		

Công cụ dụng cụ xuất dùng	905,919,051	611,728,597
Phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	213,383,848	410,353,540
Chi phí thiết kế Website	62,999,982	125,999,994
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	490,479,456	479,833,751
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	199,666,029	229,246,173
Chi phí trả trước dài hạn khác	29,721,762	37,319,462
Tổng	1,902,170,128	1,894,481,517

13. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Nam Định (i)	14,114,467,785	14,114,467,785	5,000,000,000	14,114,467,785	5,000,000,000	5,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	5,614,365,628	5,614,365,628	-	5,614,365,628	-	-
- Phạm Thành Đạt (ii)	-	-	5,000,000,000	-	5,000,000,000	5,000,000,000
Tổng	19,728,833,413	19,728,833,413	10,000,000,000	19,728,833,413	10,000,000,000	10,000,000,000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1216-HĐTD/NHCT382-KHDN/TNHH NAM DUOC-01 ngày 23 tháng 12 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định và Công ty TNHH Nam Dược: Tổng dư nợ cho vay theo hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 16.000.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 0907/2015-HĐTDHM/NHCT382-NAM DUOC ngày 09/07/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định và Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 23/12/2016 đến hết ngày 23/12/2017. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thuốc, dược liệu, thực phẩm chức năng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy chứng nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều

chính theo phương thức lãi suất cho vay thả nổi theo quy định của Ngân hàng. Gốc được thanh toán vào ngày trả nợ ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô A18/D7 khu Đô thị Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Chủ sở hữu: Ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Công ty và bà Dương Thị Sáu - vợ Tổng Giám đốc Công ty;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 02, ngách 01, ngõ 132, tổ 17, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Chủ sở hữu: Bà Dương Thị Hà và Ông Lã Xuân Hạnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(ii): Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 001/2016-HĐVT ngày 23/12/2016 giữa Công ty TNHH Nam Dược và ông Phạm Thành Đạt - Kế toán trưởng Công ty TNHH Nam Dược, thành viên Ban kiểm soát Công ty. Số tiền vay 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay 02 tháng; lãi suất 0%/tháng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Oai Hùng Constantia	926,589,742	926,589,742	-	-
Công ty TNHH Suheung Việt nam	1,000,780,000	1,000,780,000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	924,509,091	924,509,091	-	-
Bà Đỗ Thị Hoa	1,025,138,600	1,025,138,600	63,700,000	63,700,000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bao Bì Sông Lam	768,792,026	768,792,026	498,126,045	498,126,045
Các đối tượng khác	5,419,753,768	5,419,753,768	3,106,334,160	3,106,334,160
Tổng	10,065,563,227	10,065,563,227	3,668,160,205	3,668,160,205

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	350,807,938	2,068,638,684	26,730,427,004	28,224,831,910	720,000,000	943,425,840
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	23,168,600	23,168,600	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	125,955,177	1,232,389,048	1,876,763,115	518,418,890	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	158,550,297	1,259,045,818	1,408,692,337	43,186,276	52,090,054
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	81,663,000	121,663,000	40,000,000	-
Thuế môn bài	-	-	8,000,000	8,000,000	-	-

Tổng	350,807,938	2,353,144,158	29,334,693,470	31,663,118,962	1,321,605,166	995,515,894
-------------	--------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	--------------------

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9,375,000	30,422,980
Chi phí quảng cáo	8,400,000	71,949,600
Chi phí cước vận chuyển, cước viễn thông	31,604,676	43,341,109
Chi phí phải trả khác	162,795,142	260,346,079
Tổng	212,174,818	406,059,768

17. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	126,135,864	17,309,199
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	660,000,000	641,500,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558,760,000	564,280,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	120,112,330	93,323,022
Tổng	1,465,008,194	1,316,412,221

(i): Trích lập quỹ dự phòng tiền lương 17% quỹ lương thực hiện năm 2016 tại Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con theo Nghị quyết số 08C/2016/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/12/2016.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56,800,000,000	66,108,429,025	122,908,429,025
Lãi trong năm trước	-	12,932,236,402	12,932,236,402
Tăng khác	-	72,744,252	72,744,252
Phân phối lợi nhuận			

	-	(13,629,777,500)	(13,629,777,500)
Số dư cuối năm trước	56,800,000,000	65,483,632,179	122,283,632,179
Lãi trong năm nay	-	20,391,678,987	20,391,678,987
Phân phối lợi nhuận	-	(12,006,611,821)	(12,006,611,821)
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện các năm trước	-	7,870,000,000	7,870,000,000
Số dư cuối năm nay	56,800,000,000	81,738,699,345	138,538,699,345

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	* VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	20,391,678,987
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	646,611,821
Chi trả cổ tức năm 2015 trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11,360,000,000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14,174,500,000	24.96	14,174,500,000	24.96
Ông Nguyễn Văn Giang	3,220,000,000	5.67	3,220,000,000	5.67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2,831,000,000	4.98	2,831,000,000	4.98
Các cổ đông khác	36,574,500,000	64.39	36,574,500,000	64.39
Tổng	56,800,000,000	100.00	56,800,000,000	100.00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56,800,000,000	56,800,000,000
- Vốn góp cuối năm	56,800,000,000	56,800,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11,360,000,000	11,360,000,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,680,000	5,680,000

- Cổ phiếu phổ thông	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,680,000	5,680,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,680,000	5,680,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10000. VND/cổ phiếu		

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
USD	402,16	418,66
EUR	99.20	110,17

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	264,796,238,058	215,741,664,082
Tổng	264,796,238,058	215,741,664,082

Doanh thu đối với các bên liên quan

21,785,957,370

17,032,096,060

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	7,153,228
Hàng bán bị trả lại	371,689,469	424,954,781
Tổng	371,689,469	432,108,009

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	140,541,346,595	97,771,089,343
Tổng	140,541,346,595	97,771,089,343

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	689,555,369	45,550,379
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1,466,793
Tổng	689,555,369	47,017,172

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	211,934,892	1,650,692,003
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	650,000	4,589,341
Tổng	212,584,892	1,655,281,344

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229,879,742	297,494,349
Chi phí nhân công	30,920,132,774	23,767,690,687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142,606,209	121,940,329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,273,573,564	38,021,685,766
Chi phí khác bằng tiền	9,595,286,260	10,778,051,385
Tổng	72,161,478,549	72,986,862,516

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,020,728,483	1,317,915,472
Chi phí nhân công	19,952,955,186	16,275,174,991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	970,539,195	1,139,630,422
Thuế, phí và lệ phí	136,798,286	257,940,167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,141,268,172	7,044,201,158
Chi phí khác bằng tiền	1,406,324,767	2,345,049,290
Tổng	30,628,614,089	28,379,911,500

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13,636,364	210,000,000
Phải trả người bán được xóa nợ	-	503,026,984
Các khoản khác	4,851,554	77,813,665
Tổng	18,487,918	790,840,649

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8,002,536	94,735,592
Các khoản khác	10,216,545	35,008,358
Tổng	18,219,081	129,743,950

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Dược	1,232,389,048	1,176,763,115
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,232,389,048	1,176,763,115
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước		44,667,511
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	125,955,177	2,504,724,137
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1,876,763,115)	(3,600,199,586)
Tổng thuế TNDN phải nộp (phải thu) cuối năm	(518,418,890)	125,955,177

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	205,275,960	1,281,556,595
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	205,275,960	1,281,556,595

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	151,556,595	1,267,082,319
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(205,275,960)	(151,556,595)
Tổng	(53,719,365)	1,115,525,724

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20,391,678,987	12,932,236,402
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20,391,678,987	12,932,236,402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5,680,000	5,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,590	2,277

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74,027,366,982	81,743,267,281
Chi phí nhân công	64,498,027,841	51,369,647,735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,968,648,099	6,008,580,542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41,528,337,418	44,374,311,976
Chi phí khác bằng tiền	21,202,693,437	20,488,721,260
Tổng	207,225,073,777	203,984,528,794

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,565,994,010	-	19,205,166,678	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,686,131,212	-	3,254,266,087	-
Các khoản cho vay	35,000,000,000		3,100,000,000	-
Đầu tư dài hạn khác				

	255,000,000	-	255,000,000	-
Tổng	63,507,125,222	-	25,814,432,765	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	100000000000	19728833413
Phải trả người bán, phải trả khác	11530571421	4984572426
Chi phí phải trả	212174818	406059768
Tổng	21742746239	25119465607

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và tương đương tiền	23,565,994,010	-	-	23,565,994,010
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,533,131,212	153,000,000	-	4,686,131,212
Các khoản cho vay	35,000,000,000	-	-	35,000,000,000
Đầu tư dài hạn khác	255,000,000	-	-	255,000,000
Tổng	63,354,125,222	153,000,000	-	63,507,125,222
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và tương đương tiền	19,205,166,678	-	-	19,205,166,678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3,101,266,087	153,000,000	-	3,254,266,087
Các khoản cho vay	3,100,000,000	-	-	3,100,000,000
Đầu tư dài hạn khác	255,000,000	-	-	255,000,000
Tổng	25,661,432,765	153,000,000	-	25,814,432,765

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	10,000,000,000	-	-	10,000,000,000

Phải trả người bán, phải trả khác	11,530,571,421	-	-	11,530,571,421
Chi phí phải trả	212,174,818	-	-	212,174,818
Tổng	21,742,746,239	21,742,746,239	21,742,746,239	21,742,746,239

Tại ngày
01/01/2016

Vay và nợ	19,728,833,413	-	-	19,728,833,413
Phải trả người bán, phải trả khác	4,984,572,426	-	-	4,984,572,426
Chi phí phải trả	406,059,768	-	-	406,059,768
Tổng	25,119,465,607	25,119,465,607	25,119,465,607	25,119,465,607

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10,000,000,000	65,488,382,226

d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(19,728,833,413)	(54,003,900,201)

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (i)	Bên liên quan khác	21,785,957,370	17,032,096,060
Ứng tiền trước mua tài sản			
Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc	10,000,000,000	-

(i): Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc đồng thời Bà cũng là Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán			
Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc	10,000,000,000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

2,902,892,615 2,863,255,529

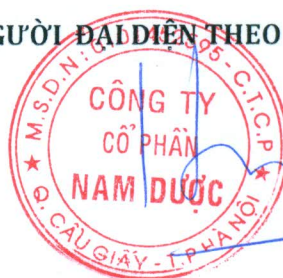
38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10,715,575,595	11,008,196,595
- Trả trước cho người bán dài hạn	212	292,621,000	-

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ds. Hoàng Minh Châu